Biểu phí dịch vụ
Fee schedule
Hiệu lực từ 19/10/2026 (*Effective date: 19 Oct 2026)*

Tất cả phí dịch vụ liệt kê dưới đây có cùng loại tiền tệ với tài khoản nếu không có qui định nào khác và chưa bao gồm 10% VAT
All service fees listed below are in the same currency as the account unless otherwise stipulated and are subjected to 10% VAT.

	OCBC		
Quản lý tài khoản *(Account Management)*			
	VND	**USD**	**SGD/EUR**
Phí dịch vụ tài khoản (Account service fees)			
Mở tài khoản *Account Opening*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*
Phí quản lý *hàng tháng cho* tài khoản không giao dịch trên 6 tháng *Monthly handling fee for dormant account with no activity for more than 6 months*	VND500,000/USD25.00/SGD30.00/EUR20.00 cho mỗi tài khoản không giao dịch/ tháng *VND500,000/USD25.00/SGD30.00/EUR20.00 per each dormant account/ month*		
Đóng tài khoản *Account closing*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*
Phí gửi sao kê tài khoản/chứng từ giao dịch *Courier charge for sending regular Statement/transaction documents*			
Trong nước *Within Vietnam*	Miễn phí *Free*		
Singapore, Malaysia, Hong Kong, China	VND700,000	USD30.00	SGD42.00
Nước khác *Other countries*	Phí thực trả cho bên đại lý + USD5.00 (tối thiểu USD15.00) hoặc số tiền VND tương đương *Actual cost paid to courier agent + USD5.00 (min USD15.00) or VND equivalent*		
Phí sao kê/giấy báo bổ sung *Additional Statement / Advice*	VND100,000 / sao kê / giấy báo *VND100,000 / statement / advice*	USD5.00 / sao kê / giấy báo *USD5.00 / statement / advice*	SGD7.00 /EUR5.00/ sao kê / giấy báo *SGD7.00 /EUR5.00/ statement / advice*
Phí sao kê/ giấy báo bổ sung gửi đi nước ngoài *Additional Statement / Advice (mailing outside Vietnam)*	VND100,000 + bưu phí/ phí chuyển phát nhanh *VND100,000 + Postage/ Courier Charge*	USD5.00 + bưu phí/ phí chuyển phát nhanh *USD5.00 + Postage/Courier Charge*	SGD7.00 /EUR5.00 + bưu phí/ phí chuyển phát nhanh *SGD7.00 /EUR5.00 + Postage/Courier Charge*
Phí đóng tài khoản trong vòng 1 năm *Account closure within 1 year*	Theo quy định của Ngân hàng từng thời điểm *Subject to Bank's prevailing policies*		
Phí mở & đóng tài khoản trong tháng *Fee - A/C opened and closed in a month*			
Phí số dư tối thiểu *Minimum Balance Fee*			
Sao kê MT940 *Swift MT 940 Reporting*			
Chuyển tiền ***Remittances***			
Nhận tiền về ***Inward remittance***	**VND**	**USD**	**SGD/EUR**
Tiền về trong nước *Inward within Vietnam*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*
Tiền về từ nước ngoài *Inward from overseas*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*	Miễn phí *Free*
Yêu cầu hoàn trả tiền từ nước ngoài chuyển về *Fund return request for Inward remittances from overseas*	Không áp dụng *NA*	USD30.00	SGD45.00/EUR27.00
Chuyển tiền đi ***Outward remittance***			
Chuyển tiền đi trong nước ***Local outward remittance***			
Chuyển tiền trong nước thông thường *Outward Standard transfer (within Vietnam)*			
(1) Số tiền chuyển < VND500,000,000 *(1) Amount below VND500,000,000*	VND20,000	USD7.00	0.15% (tối thiểu SGD25.00/EUR15.00, tối đa SGD150.00/EUR150.00) + Điện phí + Phí của ngân hàng đại lý *0.15% (min SGD25.00/EUR15.00, max SGD150.00/EUR150.00) + Cable Charge + Agent Bank's Charge*
(2) Số tiền chuyển >= VND500,000,000 *(2) Amount from & above VND500,000,000*	0.03% (tối đa VND500,000) *0.03% (max VND500,000)*		
Chuyển tiền nhanh trong nước bằng VND (Số tiền chuyển < 500,000,000 đồng) *VND Instant transfer within Vietnam (Amount <VND500mio)*	VND25,000	Không áp dụng *NA*	Không áp dụng *NA*
Hủy/ Sửa đổi *Cancellation/Amendment*	VND80,000	USD5.00 + Điện phí *USD5.00 + Cable Charge*	SGD30.00/EUR20.00 + Điện phí *SGD30.00/EUR20.00 + Cable Charge*
Chuyển tiền đi nước ngoài **Outward to Overseas**			

Chuyển tiền đi nước ngoài *Outward to Overseas* * áp dụng đối với Chuyển khoản trong hệ thống vùng * *applicable for Regional Network Transfer*	Không áp dụng *NA*	0.15% (tối thiểu USD10.00, tối đa USD150.00) + Điện phí + Phí của ngân hàng đại lý *0.15% (min USD10.00, max USD150.00) + Cable Charge + Agent Bank's Charge*	0.15% (tối thiểu SGD25.00/EUR15.00, tối đa SGD150.00/EUR150.00) + Điện phí + Phí của ngân hàng đại lý *0.15% (min SGD25.00/EUR15.00, max SGD150.00/EUR150.00) + Cable Charge + Agent Bank's Charge* ***Phí cố định SGD40.00 khi chuyển khoản trong hệ thống vùng** **** Flat SGD40 for Regional Network Transfer***
Hủy/ Sửa đổi *Cancellation/Amendment*	Không áp dụng *NA*	USD5.00 + Điện phí *USD5.00 + Cable Charge*	SGD30.00/EUR20.00 + Điện phí *SGD30.00/EUR20.00 + Cable Charge*
Đối với các giao dịch chuyển tiền VNĐ thông thường (trong nước) thực hiện thông qua OCBC Velocity: thời gian ngừng nhận lệnh là 5 giờ chiều (Trong phần 'Chuyển khoản và thanh toán', hãy nhấp vào 'Trong nước'). Các giao dịch này phải được ghi nợ từ tài khoản vãng lai VNĐ của người cư trú. *For VND Outward Standard transfer (within Vietnam) initiated through OCBC Velocity: Cut-off time is 5pm (Under 'Transfers and payments', click 'Local'). Such transfer must be debited from a resident VND current account.*			
Dịch vụ khác (*Other services)*			
	VND	**USD**	**SGD/EUR**
Phí Xác nhận *Confirmation fee*	VND150,000 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *VND150,000 + Postage/Courier Charge*	USD7.00 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *USD7.00 + Postage /Courier Charge*	SGD10.00/EUR7.00 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *SGD10.00/EUR7.00 + Postage /Courier Charge*
Xác nhận mang ngoại tệ ra nước ngoài *Confirmation for carrying foreign currency abroad*	VND200,000	USD10.00	SGD10.00/EUR10.00
Lệnh chưa thực hiện (*Standing Orders)*			
Nhận lệnh chưa thực hiện *Establishment of a New Standing Order*	VND100,000	USD5.00	SGD5.00/EUR5.00
Tu chỉnh lệnh chưa thực hiện *Amendment of an Existing Standing Order*	VND100,000	USD5.00	SGD5.00/EUR5.00
Sao lục chứng từ **(*Investigations (per documents)*):**			
Chứng từ đến 12 tháng *Docs less than 12 months*	VND100,000 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *VND100,000 + Postage/Courier Charge*	USD5.00 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *USD5.00 + Postage/Courier Charge*	SGD5.00/EUR5.00 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *SGD5.00/EUR5.00 + Postage/Courier Charge*
Chứng từ quá 12 tháng *Docs pass over 12 months*	VND300,000 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *VND300,000 + Postage/Courier Charge*	USD15.00 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *USD15.00 + Postage/Courier Charge*	SGD15.00/EUR15.00 + bưu phí/phí chuyển phát nhanh *SGD15.00/EUR15.00 + Postage/Courier Charge*
Điện phí *(Cable charge)*	VND300,000	USD15.00	SGD20.00/EUR15.00
Fax chứng từ theo yêu cầu của khách hàng **(*Faxing of documents as per customer's request)***			
Trong nước *Within Vietnam*	VND40,000 / trang *VND40,000 / page*	USD2.00 / trang *USD2.00 / page*	SGD3.00/EUR2.00 / trang *SGD3.00/EUR2.00 / page*
Nước ngoài *Overseas*	VND100,000 / trang *VND100,000 / page*	USD5.00 / trang *USD5.00 / page*	SGD7.00/EUR5.00 / trang *SGD7.00/EUR5.00 / page*
Bưu phí (*Courier)*			
Trong nước *Within Vietnam*	VND40,000	USD2.00	SGD3.00/EUR2.00
Nước ngoài đến Singapore/Malaysia/Hong Kong/Trung Quốc *Overseas to Singapore/Malaysia/Hong Kong/China*	VND700,000	USD30.00	SGD42.00
Nước ngoài - nước khác *Overseas - Others*	Theo biểu phí của bên chuyển phát nhanh *As per courier agent's charge*	Theo biểu phí của bên chuyển phát nhanh *As per courier agent's charge*	Theo biểu phí của bên chuyển phát nhanh *As per courier agent's charge*
Phí Token Velocity/ *Velocity Token Fee*	Theo quy định của Ngân hàng từng thời điểm *Subject to Bank's prevailing policies*		
Phí thiết lập API/H2H/ *Commission for API/H2H setup*			
Phí duy trì API/H2H/ *Commission for API/H2H maintenance*			
Dịch vụ thanh toán qua bảng kê *Cash withdrawal*	0.05%/từng giao dịch rút tiền riêng lẻ *(single withdrawal)* (tối thiểu/*min* VND20,000) 0.1% đối với mỗi khách hàng không đến rút tiền/*for each "no show"* (tối thiểu/*min* VND20,000)	Không áp dụng/*NA*	

*For more information about OCBC Network Transfer, please visit: https://www.ocbc.com/business-banking/digital-business-banking/network-transfer

** Để biết thêm thông tin về chuyển khoản trong mạng lưới OCBC, xin vui lòng truy cập : https://www.ocbc.com/business-banking/digital-business-banking/network-transfer*

Reviewed: 19th Oct 2026
Cập nhật: 19/10/2026